TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y L
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15-01-2021
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẬP - TỈNH PHÚ THỌ

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tiến Nghị

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Thẩm Văn Minh

- Ông Phùng Duy Nam

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y L, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y L tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y L, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 203/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Đình, xã Thượng Long, huyện Y L, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Chị Nông Thị B, sinh năm 1985. Vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

Địa chỉ: Khu Đình, xã Thượng Long, huyện Y L, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và Chị Nông Thị B kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P N, tỉnh Bắc Kạn ngày 18 tháng 01 năm 2005, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã Thượng Long, huyện Y L, tỉnh Phú Thọ; Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn trong cách xây dựng làm ăn kinh tế, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nông Thị B để ổn định cuộc sống.

Do chị B không đến Tòa án, khi Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương và gia đình để tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Pháp luật và yêu cầu chị B làm bản tự khai, tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm về việc anh T xin ly hôn nhưng chị B không hợp tác làm việc, cố tình lẩn tránh.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, xác định được chị B vẫn nhận được giấy triệu tập của Tòa án, Uỷ ban nhân dân xã Thượng Long xác định đã giao giấy triệu tập của Tòa án cho gia đình chị B, gia đình chị B cam kết sẽ báo cho chị B biết nhưng chị B không đến Tòa án làm việc.

Về con chung: Anh T xác định hai vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 12/8/2005. Sau ly hôn, anh T có quan điểm đề nghị trực tiếp nuôi con chung, không đề nghị chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Thị Thu T có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay chị B cố tình vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị B không chấp hành nên Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật đối với các đương sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa anh T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị B không đến Tòa án và không hợp tác để Tòa án giải quyết vụ án cũng như không có mặt tại phiên tòa hôm nay là do chị B tự khước từ quyền lợi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ theo quy định. Kiểm sát viên có quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho anh T được ly hôn chị B; Giao con chung là Nguyễn Thị

Thu T cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi con chung. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T không yêu cầu; Về tài sản chung, công nợ, công sức đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Y L, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nông Thị B. Căn cứ khoản 1, Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y L, tỉnh Phú Thọ.

Toà án đã cấp, tống đạt, thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị B, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, chị B vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nông Thị B tự nguyện kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bộc Bố, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn; như vậy Anh T và chị B kết hôn đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, anh T và chị B chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tôn trọng thương yêu nhau, không quan tâm đến nhau; Nay anh T xin ly hôn, chị B không hợp tác để làm việc; Qua xác minh tại địa phương và gia đình chị B thì thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh T và chị B như anh T trình bày là đúng, chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị B không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài; Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đề nghị Hội đồng xét xử cho anh T được ly hôn chị B, nên cần xử cho anh T được ly hôn chị B là phù hợp với thực tế tình cảm vợ chồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị B biết việc anh T khởi kiện về việc ly hôn nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết việc anh T xin ly hôn mặc dù Tòa án đã báo cho chị B và gia đình chị B; Như vậy chị B đã từ chối quyền lợi của bản thân, cố tình lẩn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên vụ án phải được giải quyết vắng mặt chị B theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Xét việc anh T có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không đề nghị chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét

thấy con chung của anh T và chị B hiện đang ở với anh T và cũng có nguyện vọng ở với bố do vậy cần giao cho anh T trực tiếp chăm sóc để đảm bảo sự phát triển của con chung nên giao cháu Nguyễn Thị Thu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp nên chấp nhận đề nghị của anh T. Chị B không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T (Do anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung). Chị B vắng mặt không có quan điểm đề nghị, nếu sau này đương sự có yêu cầu thì xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị B vắng mặt không có quan điểm đề nghị, nếu sau này đương sự có yêu cầu thì xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1,2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nông Thị B.

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 12/8/2005, kể từ khi ly hôn đến khi con chung đã thành niên. Chị Nông Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng. Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh T cùng các thành viên trong gia đình anh T không ai được cản trở chị B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004305 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y L, tỉnh Phú Thọ. Anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bán án được niêm yết nơi đương sự cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Y L;
- Chi cục THADS huyện Y L;
- UBND xã B, huyện P N, tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tiến Nghị